

Số: TVHN-285/DBQG

Hà Nội, ngày 12 tháng 10 năm 2026

## BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN

### I. Diễn biến xu thế thủy văn

#### 1. Lưu vực sông Hồng

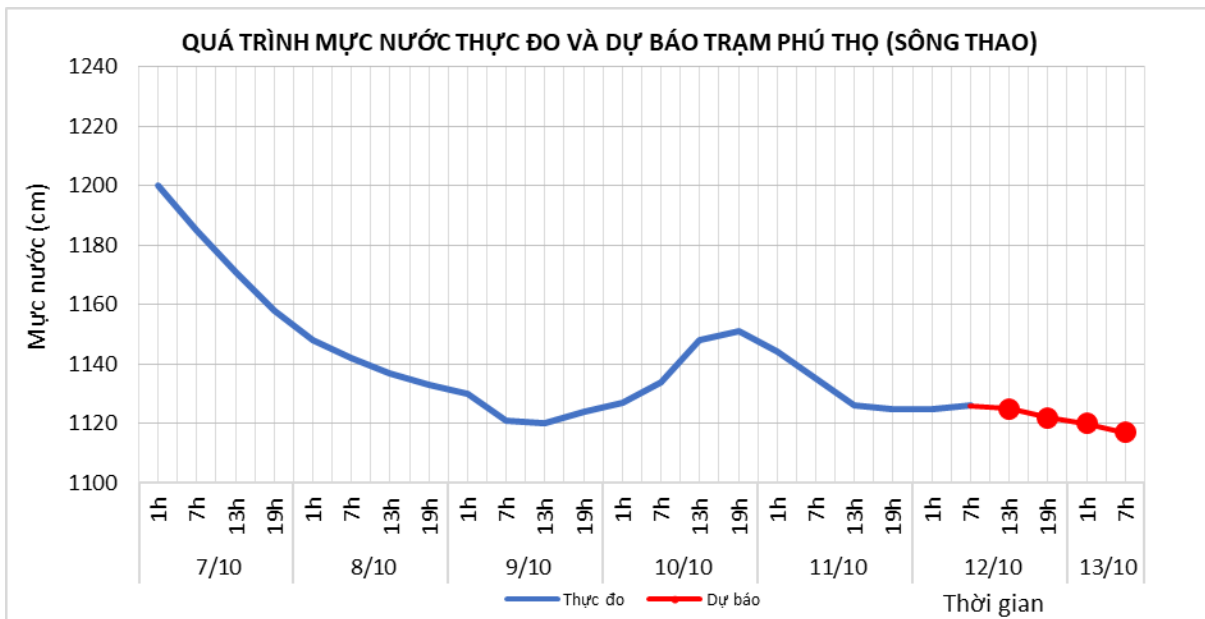
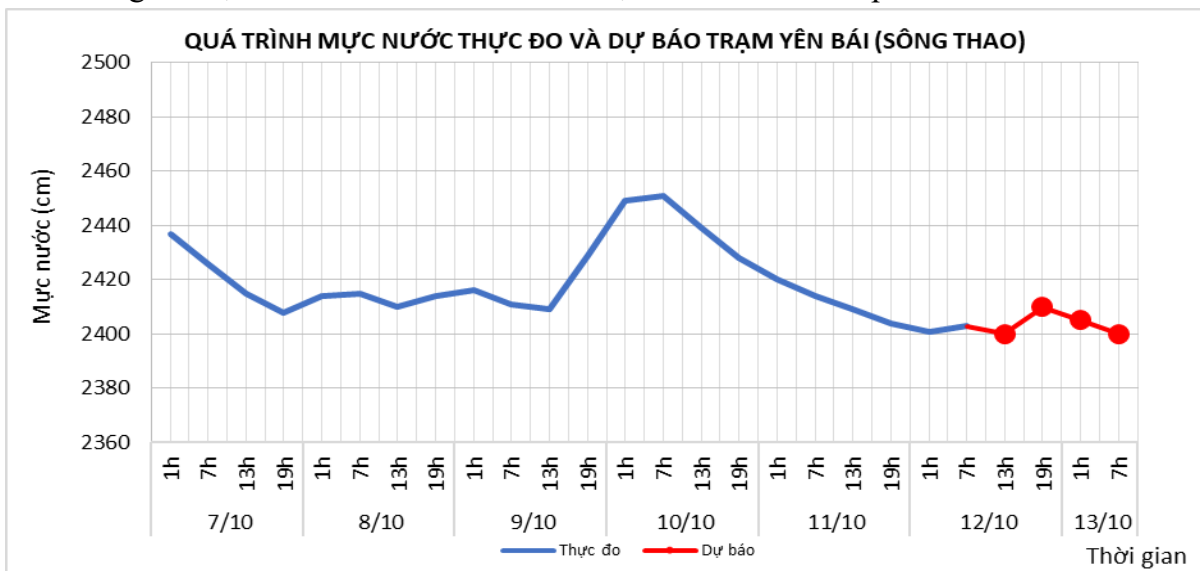
##### 1.1. Sông Thao

###### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Trên sông Thao, mực nước tại trạm Yên Bái, trạm Phú Thọ đang biến đổi chậm.

###### b. Dự báo, cảnh báo

Trên sông Thao, mực nước tại trạm Yên Bái, trạm Phú Thọ tiếp tục biến đổi chậm.



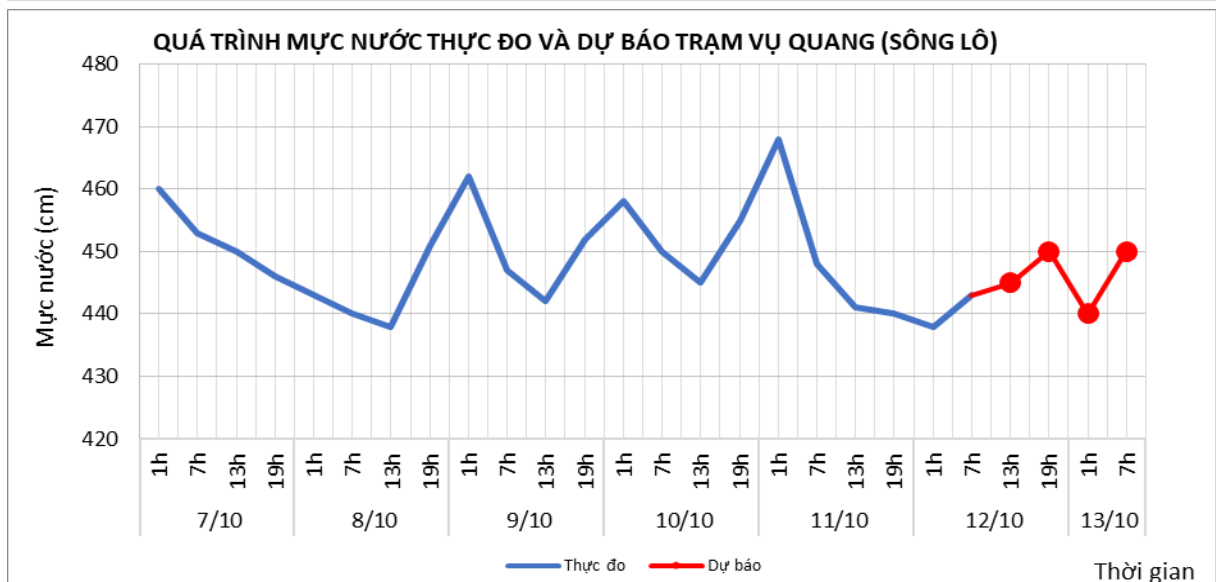
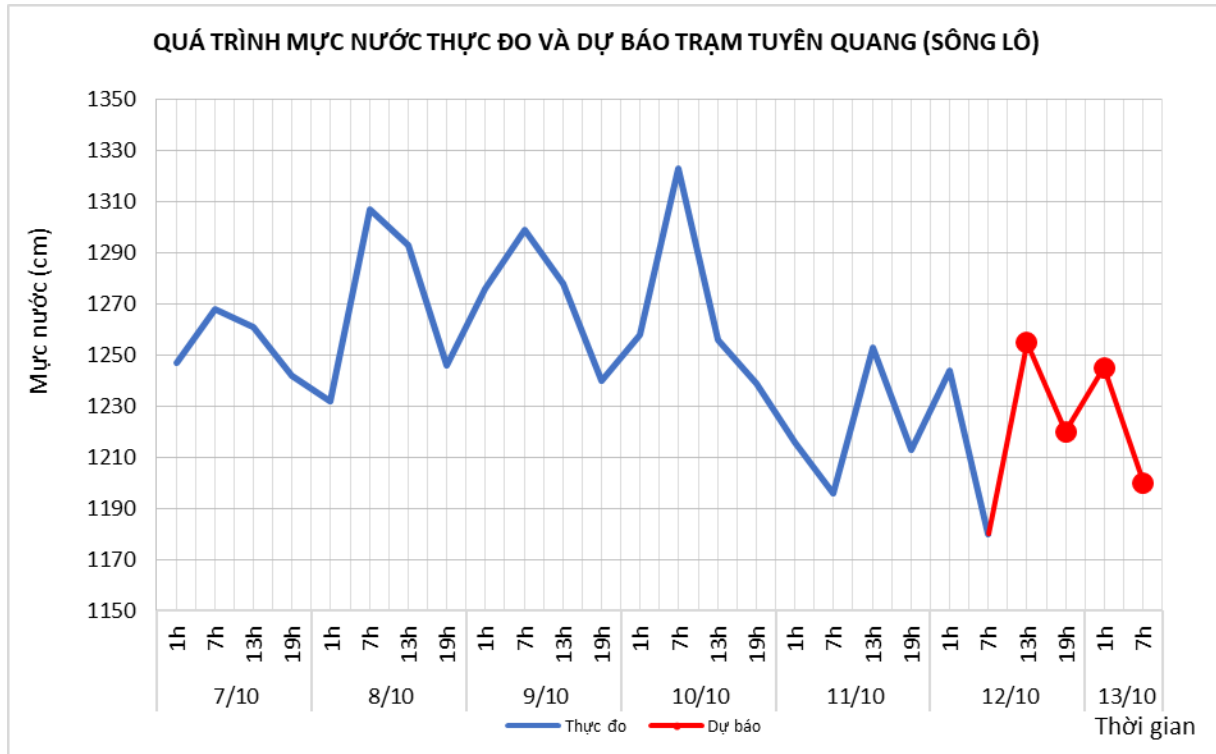
## 1.2. Sông Lô

### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Trên sông Lô, mực nước tại trạm Tuyên Quang, trạm Vụ Quang đang dao động và chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên.

### b. Dự báo, cảnh báo

Hạ lưu sông Lô, mực nước tại trạm Tuyên Quang, trạm Vụ Quang sẽ tiếp tục dao động và chịu ảnh hưởng điều tiết của thủy điện tuyến trên.



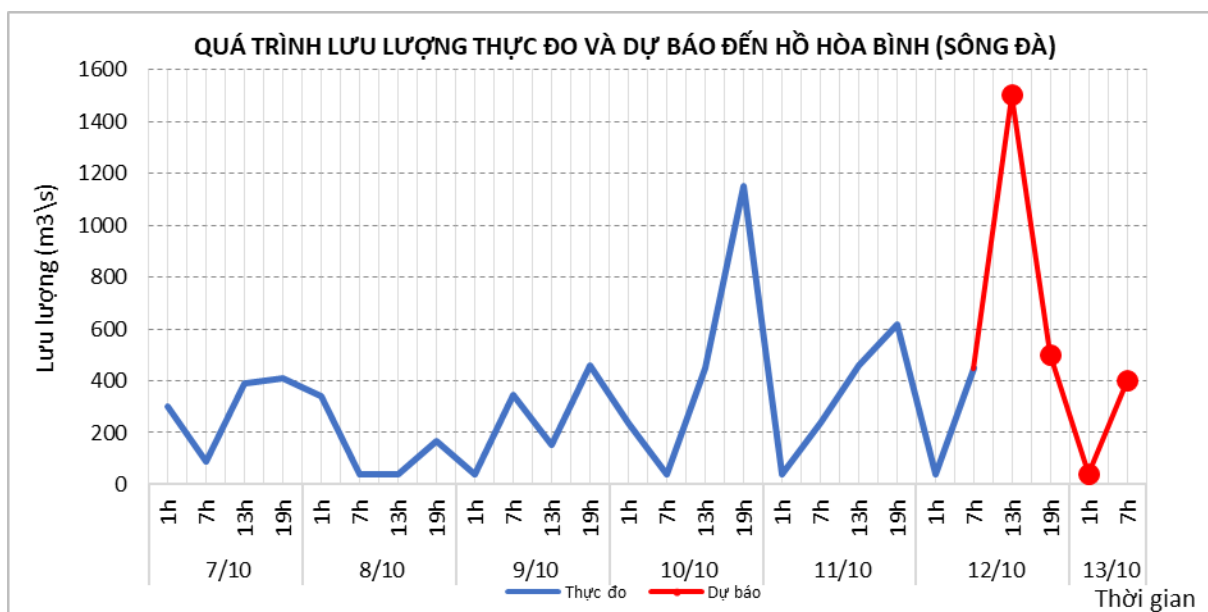
## 1.3. Sông Đà

### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Lưu lượng đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên.

### b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng đến hồ Hòa Bình tiếp tục dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên.



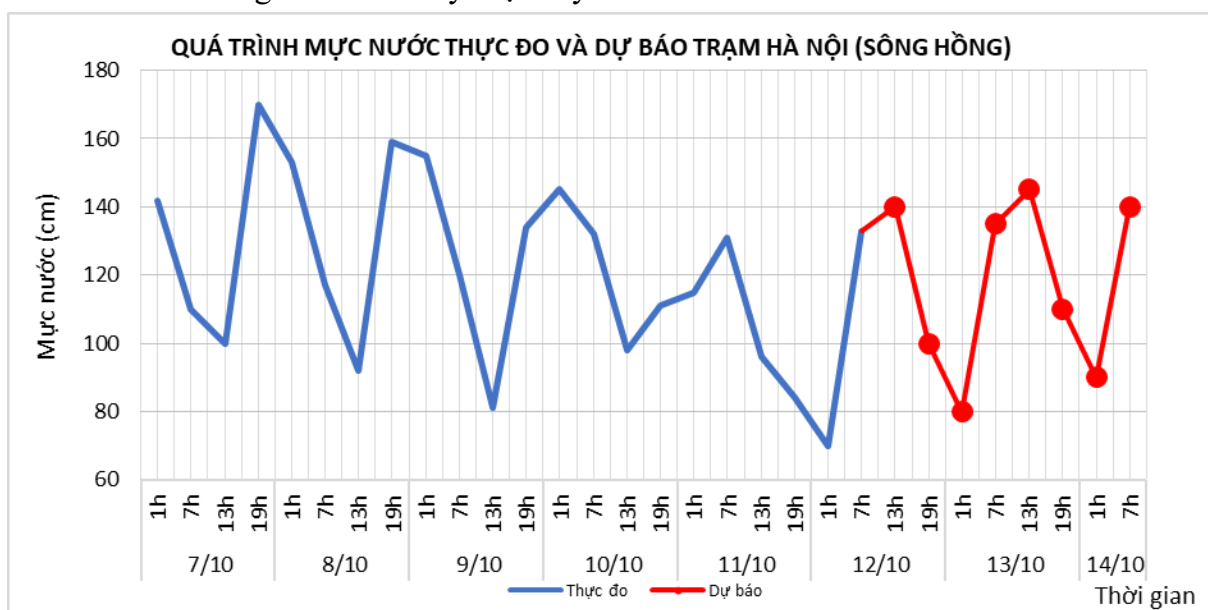
## 1.4. Sông Hồng

### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội đang dao động theo thủy triều và điều tiết thủy điện tuyến trên.

### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước hạ lưu sông Hồng tại trạm thủy văn Hà Nội tiếp tục dao động theo thủy triều và ảnh hưởng điều tiết thủy điện tuyến trên.



## 2. Lưu vực sông Thái Bình

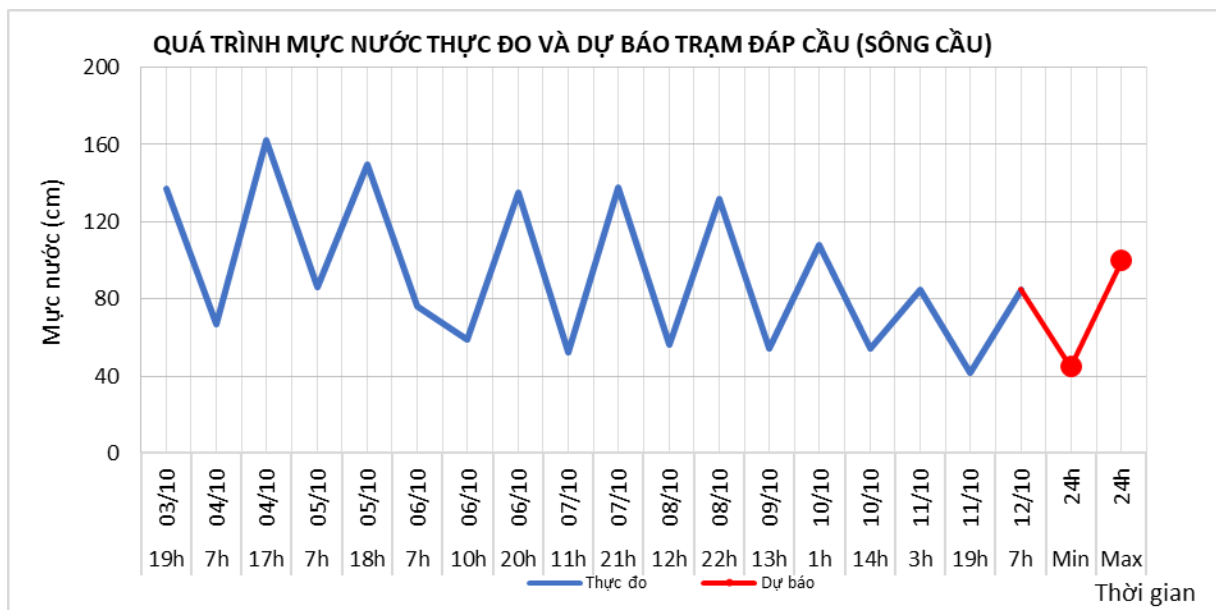
### 2.1. Sông Cầu

#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Cầu tại trạm Đáp Cầu đang dao động theo thủy triều.

#### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Cầu tại trạm Đáp Cầu tiếp tục dao động theo thủy triều.



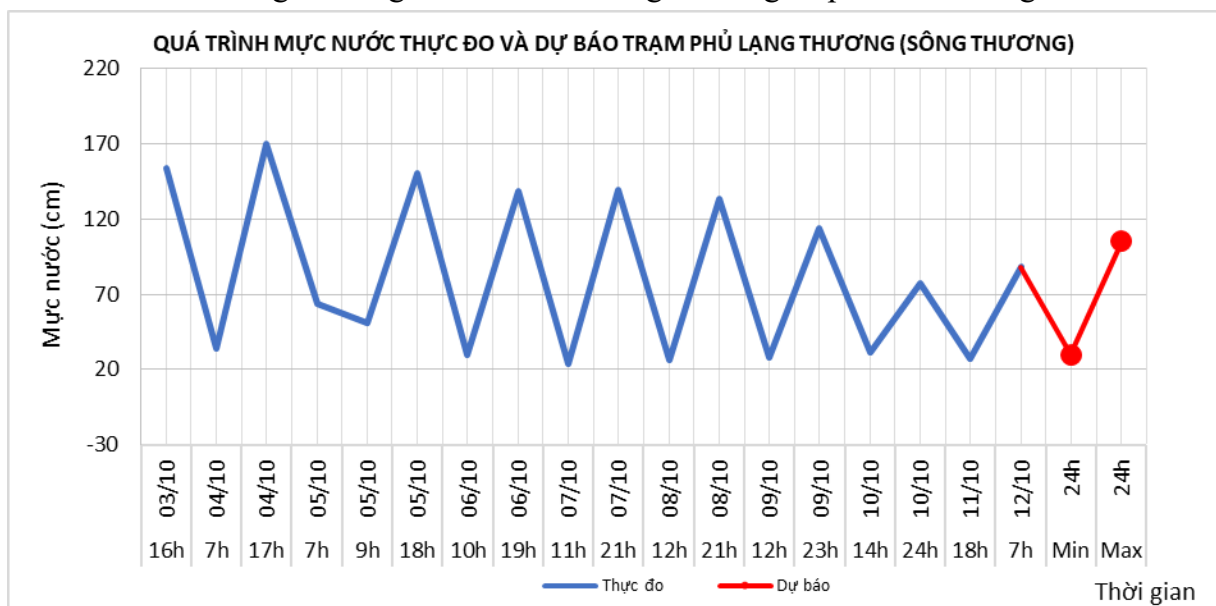
## 2.2. Sông Thương

### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Thương tại trạm Phủ Lạng Thương đang dao động theo thủy triều.

### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Thương tại trạm Phủ Lạng Thương tiếp tục dao động theo triều.



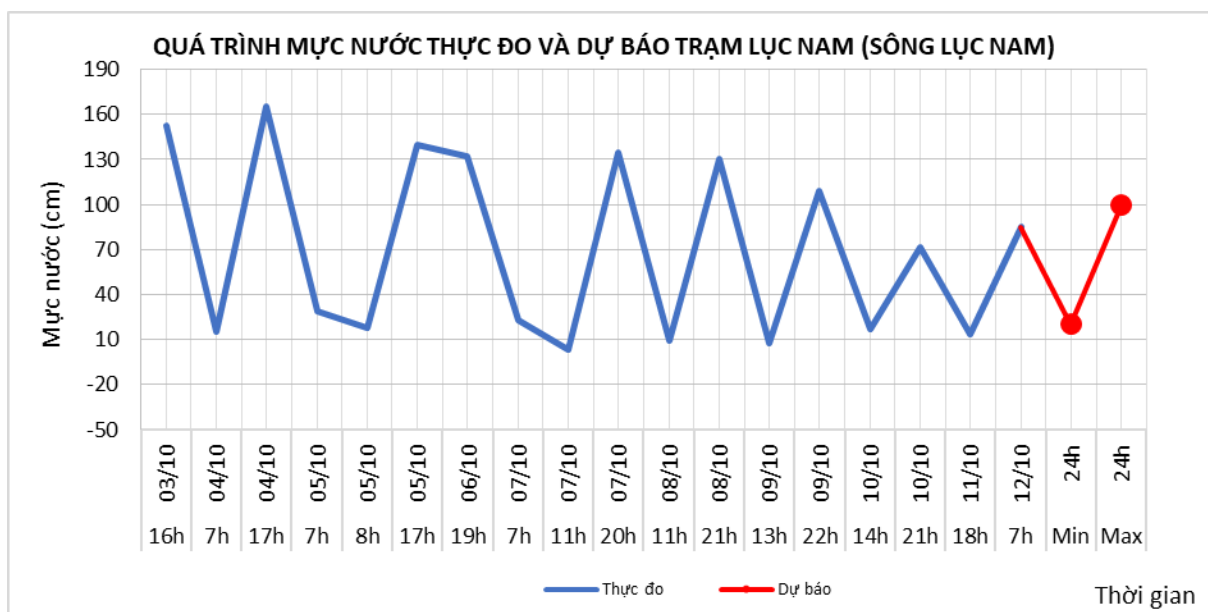
## 2.3. Sông Lục Nam

### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Lục Nam tại trạm Lục Nam đang dao động theo thủy triều.

### b. Dự báo, cảnh báo

Trong 24 giờ tới, mức nước trên sông Lục Nam tại trạm Lục Nam tiếp tục dao động theo triều.



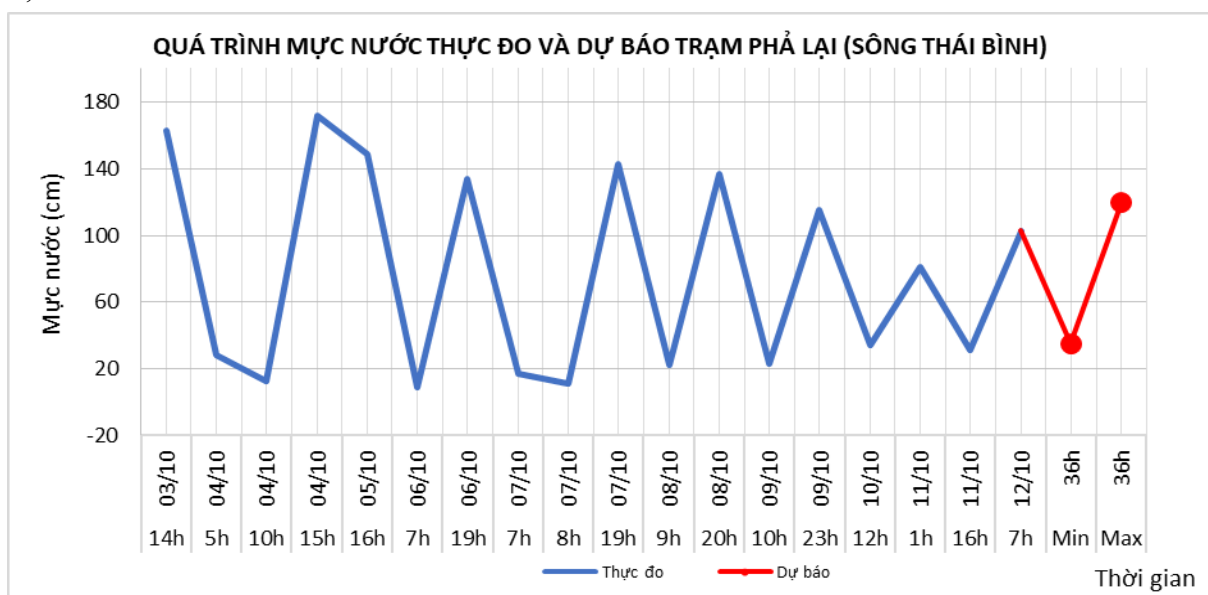
## 2.4. Sông Thái Bình

### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Thái Bình tại trạm Phả Lại đang dao động theo thủy triều.

### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Thái Bình tại trạm Phả Lại tiếp tục dao động theo thủy triều. Trong 36h tới, mức nước tại trạm Phả Lại dự báo cao nhất là 1,20m; thấp nhất là 0,35m.



## 3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

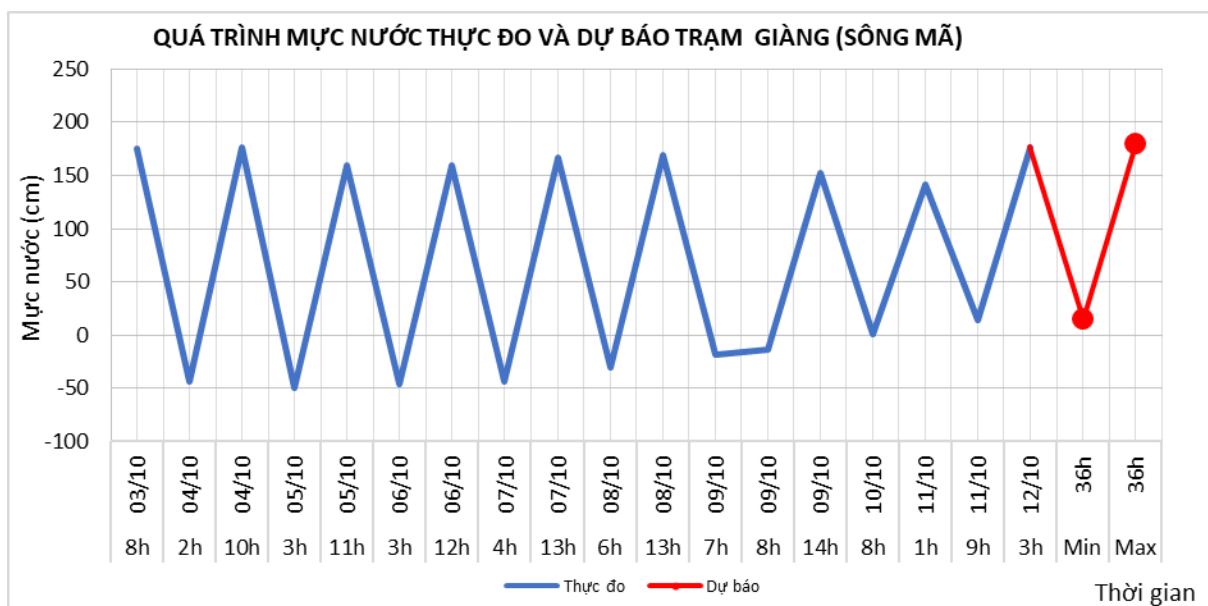
### 3.1. Sông Mã

#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước thượng lưu sông Mã biến đổi chậm, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu tại trạm Giàng dao động theo triều.

#### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước thượng lưu sông Mã biến đổi chậm, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu tại trạm Giàng dao động theo triều.



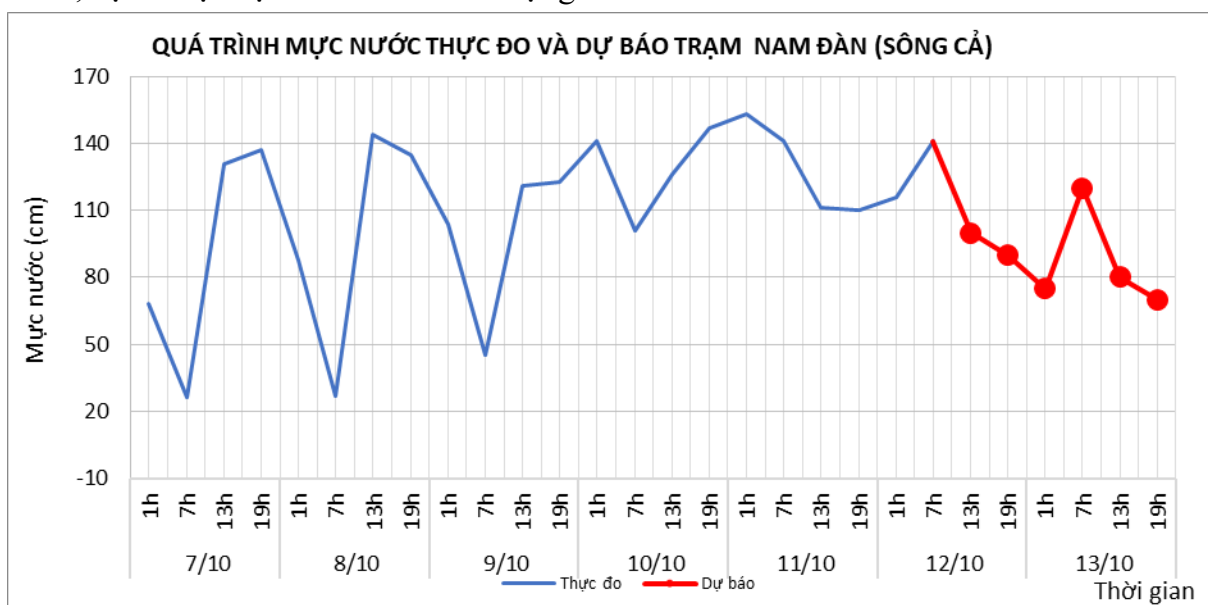
### 3.2. Sông Cả

#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước thượng lưu sông Cả biến đổi chậm, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu tại trạm Nam Đàn có dao động.

#### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước thượng lưu sông Cả biến đổi chậm, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu tại trạm Nam Đàn dao động theo triều.



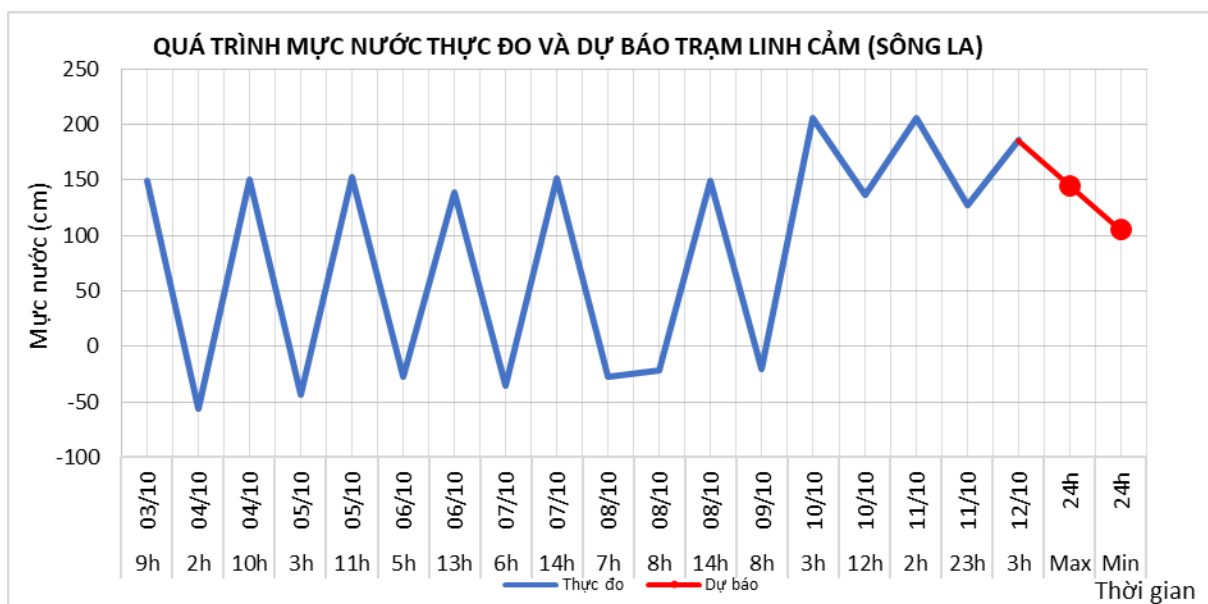
### 3.3. Sông La

#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước sông Ngàn Sâu, Ngàn Phố đang xuống; hạ lưu sông La dao động theo xu thế xuống.

#### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước sông Ngàn Sâu, Ngàn Phố tiếp tục xuống; hạ lưu sông La tiếp tục dao động theo xu thế xuống.



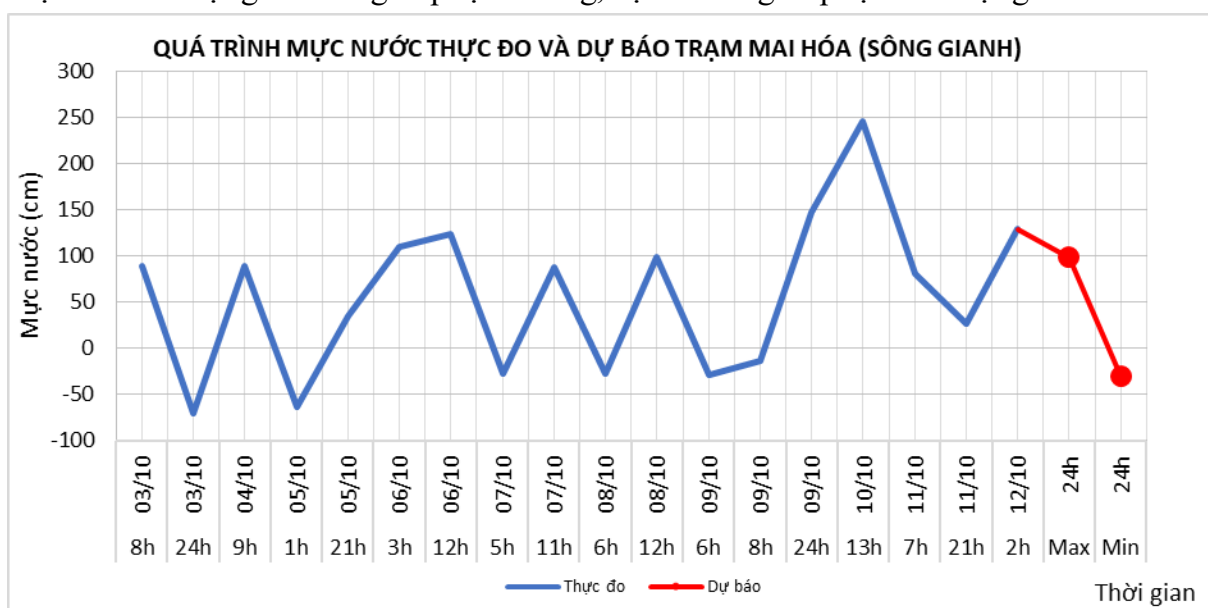
### 3.4. Sông Gianh

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước thượng lưu sông xuống dần, hạ lưu sông dao động

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước thượng lưu sông tiếp tục xuống, hạ lưu sông tiếp tục dao động theo triều



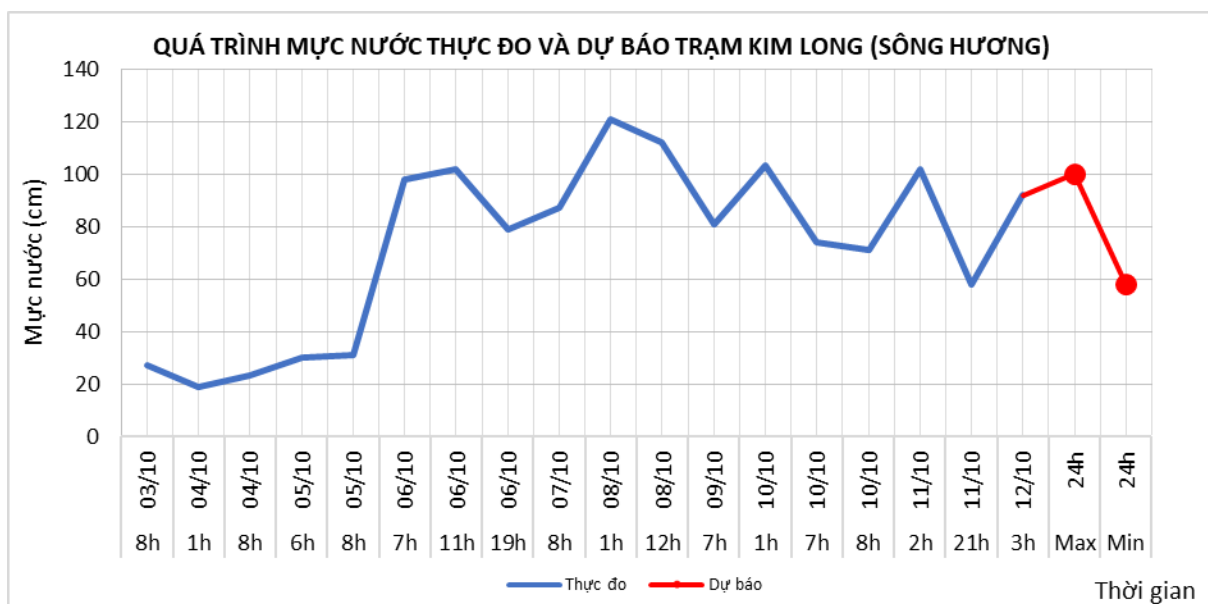
### 3.5. Sông Hương

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên các sông đang dao động

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên các sông tiếp tục có dao động



#### 4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

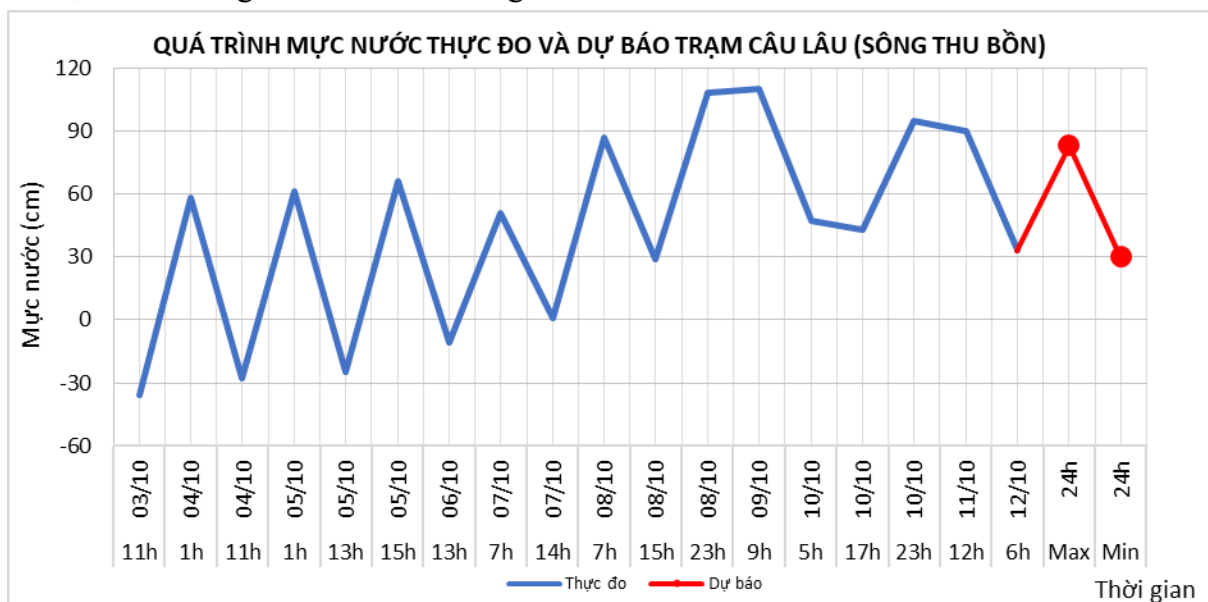
##### 4.1. Sông Vu Gia Thu Bồn

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước sông Vu Gia và trung, thượng lưu sông Thu Bồn dao động theo vận hành hồ chứa, hạ lưu sông Thu Bồn dao động theo triều.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước sông Vu Gia và trung, thượng lưu sông Thu Bồn dao động theo vận hành hồ chứa, hạ lưu sông Thu Bồn dao động theo triều.



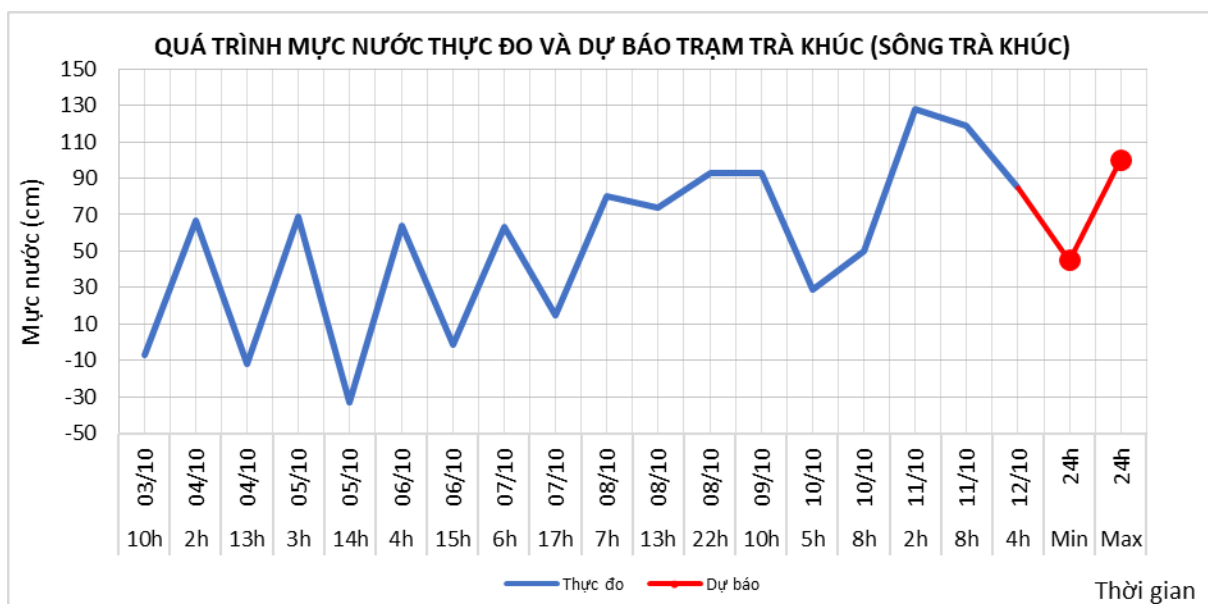
##### 4.2. Sông Trà Khúc

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước sông Trà Khúc đang dao động

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước sông Trà Khúc tiếp tục có dao động



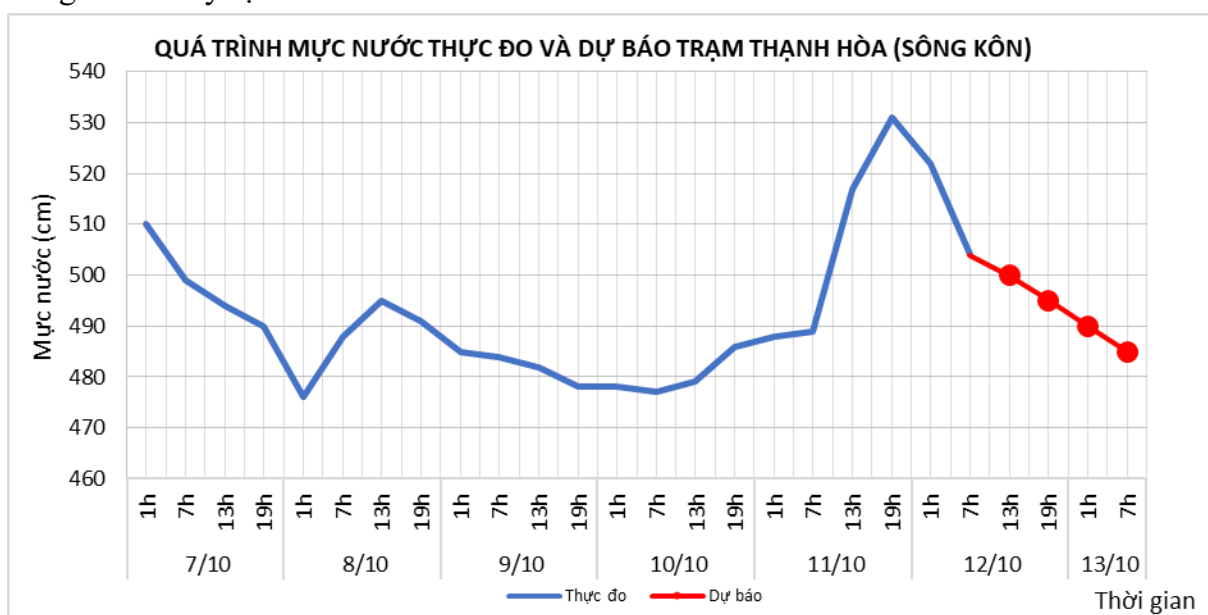
### 4.3. Sông Kôn

#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước sông Kôn tại trạm Thạnh Hòa dao động theo vận hành của công trình thủy lợi.

#### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Kôn tại trạm Thạnh Hòa tiếp tục dao động theo vận hành của công trình thủy lợi.



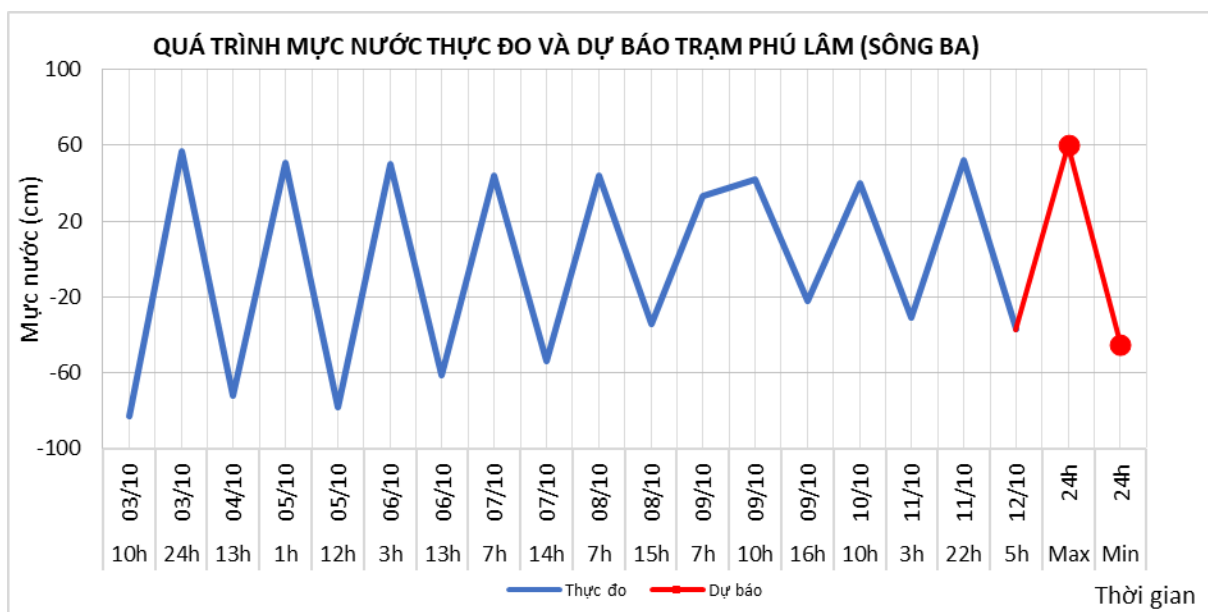
### 4.4. Sông Ba

#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước hạ lưu sông Ba dao động theo ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên và thủy triều.

#### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước hạ lưu sông Ba tiếp tục dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên và thủy triều.



## 5. Các lưu vực sông thuộc khu vực Đông Nam Bộ

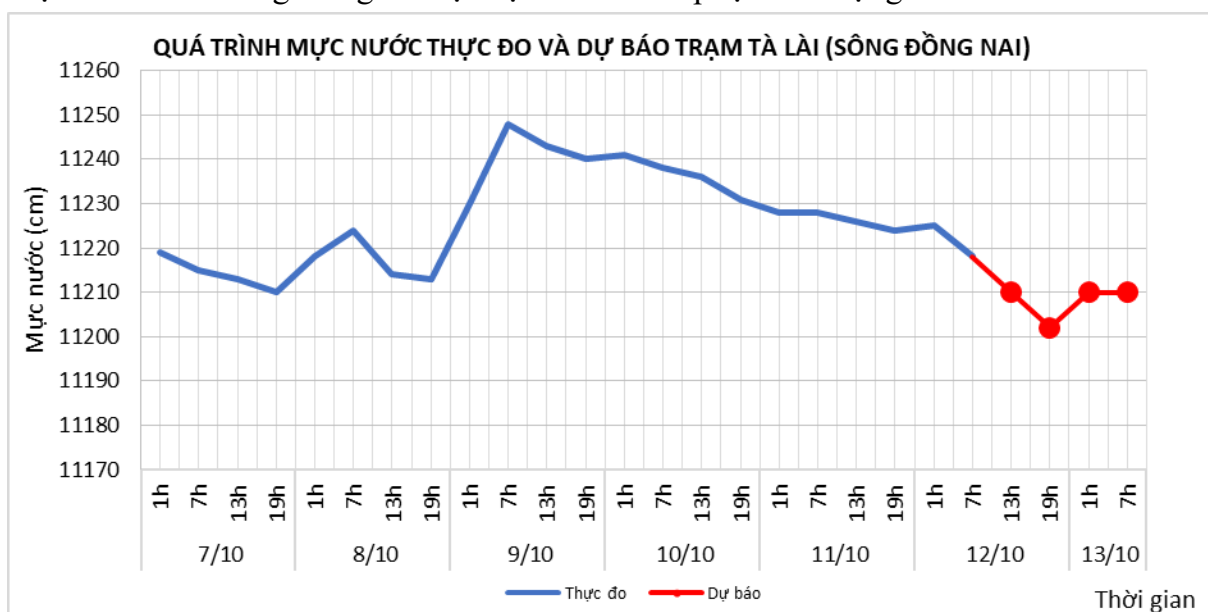
### 5.1. Sông Đồng Nai

#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Đồng Nai tại Tà Lài đang dao động. Mức nước lúc 07h/12/10 tại trạm Tà Lài 112,18m trên báo động (BD) 1 0,18m.

#### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Đồng Nai tại trạm Tà Lài tiếp tục dao động ở trên mức BD1.



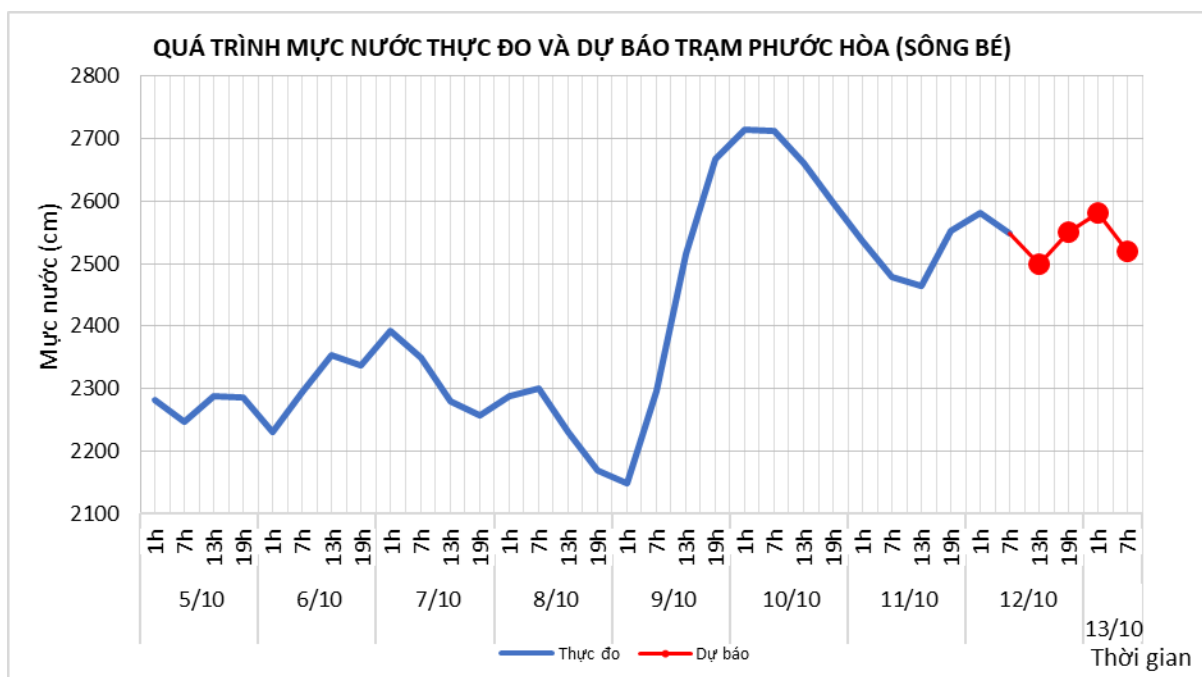
### 5.2. Sông Bé

#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Bé tại trạm Phước Hòa đang dao động theo điều tiết của thủy điện phía thượng lưu

#### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Bé tại trạm Phước Hòa tiếp tục dao động theo điều tiết của hồ thủy điện thượng lưu.



## 6. Lưu vực sông Mê Công

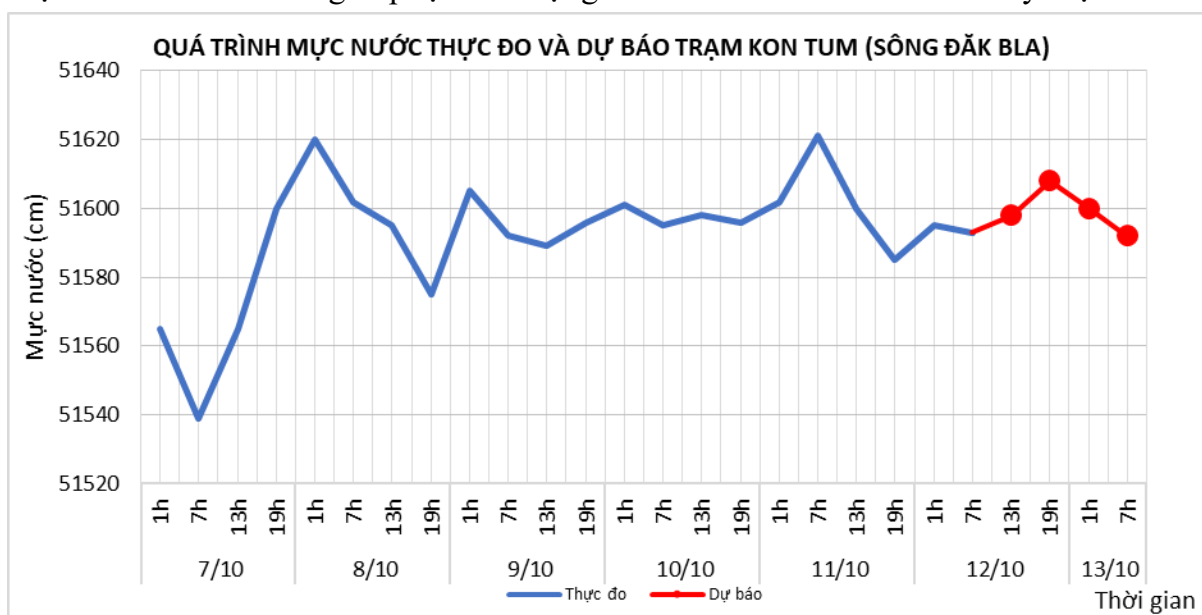
### 6.1. Sông Đắk Bla

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên các sông dao động theo điều tiết của hồ chứa thủy điện.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên các sông tiếp tục dao động theo điều tiết của hồ chứa thủy điện.



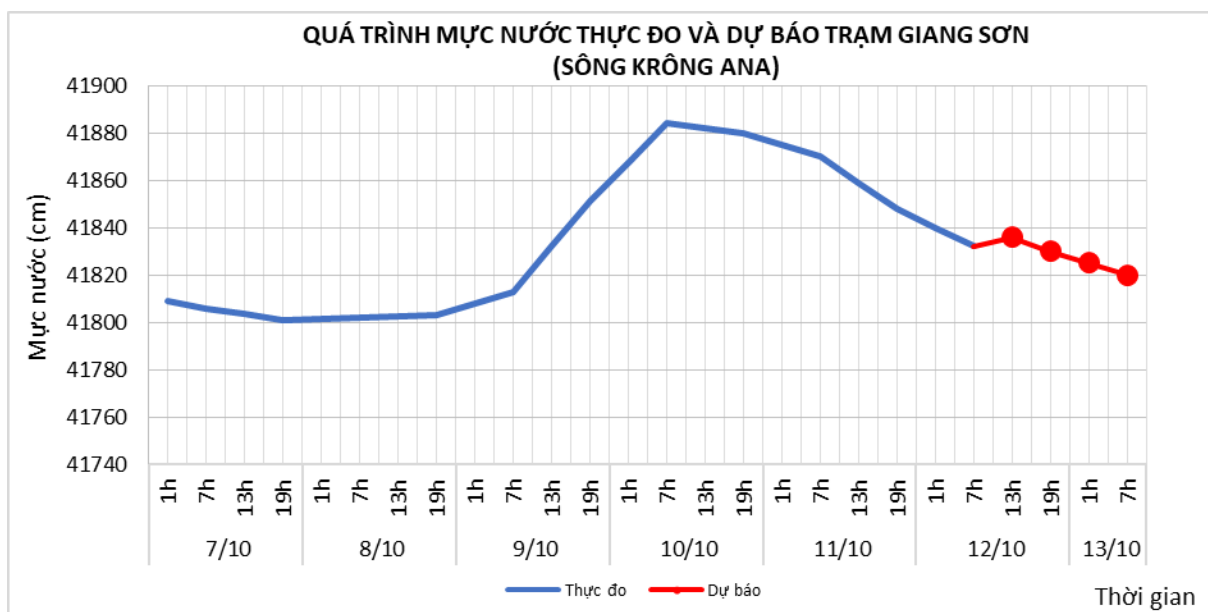
### 6.2. Sông Krông Ana

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước sông Krông Ana đang xuống dần. Mức nước các sông khác dao động theo điều tiết của hồ chứa thủy điện.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Krông Ana tiếp tục xuống. Mức nước các sông khác dao động theo điều tiết của hồ chứa thủy điện.



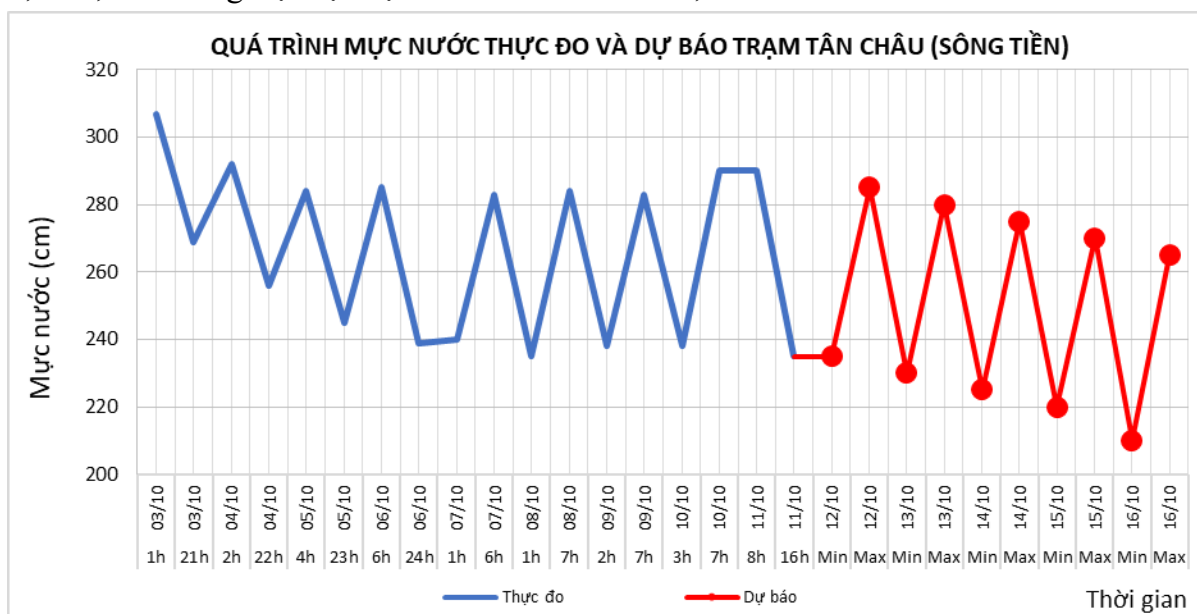
### 6.3. Sông Cửu Long

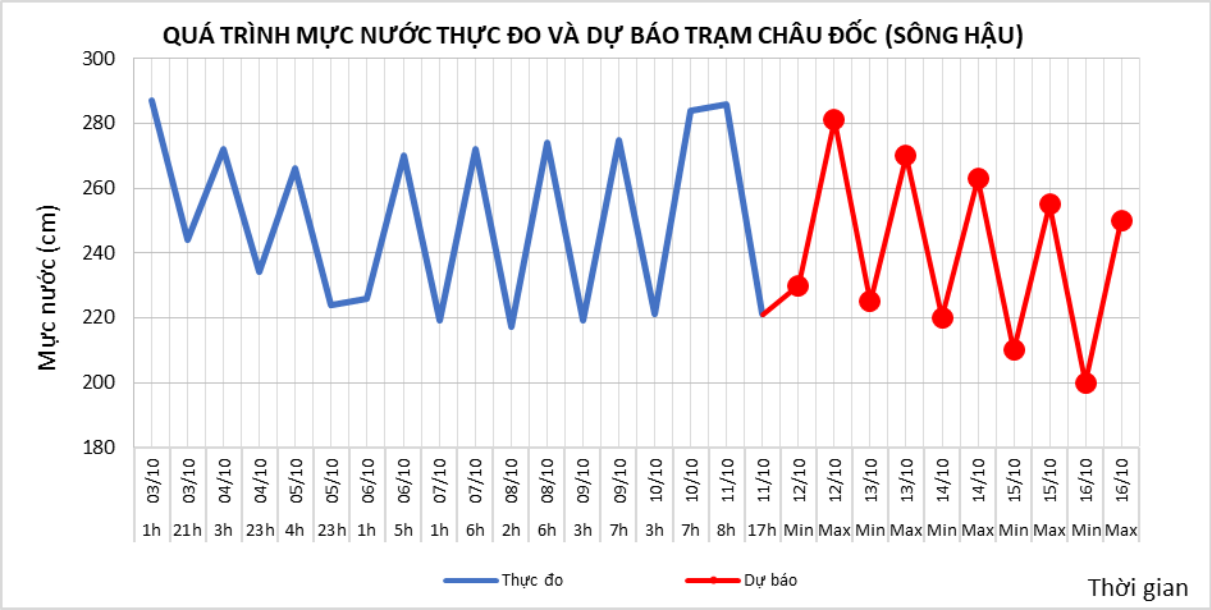
#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước đầu nguồn sông Cửu Long dao động theo triều. Mức nước cao nhất ngày 11/10, trên sông Tiền tại trạm Tân Châu 2,90m; trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc 2,86m.

#### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước đầu nguồn sông Cửu Long tiếp tục dao động theo xu thế xuống theo triều. Đến ngày 16/10, mức nước cao nhất ngày trên sông Tiền tại trạm Tân Châu ở mức 2,65m; trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc ở mức 2,50m.





## II. Bảng mực nước, lưu lượng thực đo và dự báo các trạm

| Sông      | Trạm            | Mực nước thực đo (cm) |           |          |          | Mực nước dự báo (cm) |   |           |   |          |   |          |   |           |   |           |   |          |   |          |   |
|-----------|-----------------|-----------------------|-----------|----------|----------|----------------------|---|-----------|---|----------|---|----------|---|-----------|---|-----------|---|----------|---|----------|---|
|           |                 | 13h-11/10             | 19h-11/10 | 1h-12/10 | 7h-12/10 | 13h-12/10            |   | 19h-12/10 |   | 1h-13/10 |   | 7h-13/10 |   | 13h-13/10 |   | 19h-13/10 |   | 1h-14/10 |   | 7h-14/10 |   |
| Đà        | Hồ Hòa Bình (*) | 457                   | 617       | 40       | 448      | 1500                 | ↑ | 500       | ↓ | 40       | ↓ | 400      | ↑ |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Thao      | Yên Bái         | 2409                  | 2404      | 2401     | 2403     | 2400                 | ↓ | 2410      | ↑ | 2405     | ↓ | 2400     | ↓ |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Thao      | Phủ Thọ         | 1126                  | 1125      | 1125     | 1126     | 1125                 | ↓ | 1122      | ↓ | 1120     | ↓ | 1117     | ↓ |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Lô        | Tuyên Quang     | 1253                  | 1213      | 1244     | 1180     | 1255                 | ↑ | 1220      | ↓ | 1245     | ↑ | 1200     | ↓ |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Lô        | Vụ Quang        | 441                   | 440       | 438      | 443      | 445                  | ↑ | 450       | ↑ | 440      | ↓ | 450      | ↑ |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Hồng      | Hà Nội          | 96                    | 84        | 70       | 133      | 140                  | ↑ | 100       | ↓ | 80       | ↓ | 135      | ↑ | 145       | ↑ | 110       | ↓ | 90       | ↓ | 140      | ↑ |
| Cả        | Nam Đàn         | 111                   | 110       | 116      | 141      | 100                  | ↓ | 90        | ↓ | 75       | ↓ | 120      | ↑ | 80        | ↓ | 70        | ↓ |          |   |          |   |
| Kôn       | Thanh Hòa       | 517                   | 531       | 522      | 504      | 500                  | ↓ | 495       | ↓ | 490      | ↓ | 485      | ↓ |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Đồng Nai  | Tà Lài          | 11226                 | 11224     | 11225    | 11218    | 11210                | ↓ | 11202     | ↓ | 11210    | ↑ | 11210    | → |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Bé        | Phước Hòa       | 2465                  | 2552      | 2582     | 2548     | 2500                 | ↓ | 2550      | ↑ | 2580     | ↑ | 2520     | ↓ |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Đăkbla    | Kon Tum         | 51600                 | 51585     | 51595    | 51593    | 51598                | ↑ | 51608     | ↑ | 51600    | ↓ | 51592    | ↓ |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Krông Ana | Giang Sơn       | 41858                 | 41848     | 41838    | 41832    | 41836                | ↑ | 41830     | ↓ | 41825    | ↓ | 41820    | ↓ |           |   |           |   |          |   |          |   |

Ghi chú: (\*):  $Q \text{ m}^3/\text{s}$

| Sông      | Trạm            | Thực đo 24h và 36h qua (cm) |   |                    |   | Dự báo 24h và 36h tới (cm) |   |                    |   |
|-----------|-----------------|-----------------------------|---|--------------------|---|----------------------------|---|--------------------|---|
|           |                 | Mực nước cao nhất           |   | Mực nước thấp nhất |   | Mực nước cao nhất          |   | Mực nước thấp nhất |   |
| Cầu       | Đáp Cầu         | 85                          | → | 42                 | ↓ | 100                        | ↑ | 45                 | ↑ |
| Thương    | Phủ Lạng Thương | 88                          | ↑ | 27                 | ↑ | 105                        | ↑ | 30                 | ↑ |
| Lục Nam   | Lục Nam         | 85                          | ↑ | 14                 | ↑ | 100                        | ↑ | 20                 | ↑ |
| Thái Bình | Phả Lại (**)    | 103                         | ↓ | 31                 | ↓ | 120                        | ↑ | 35                 | ↑ |
| Mã        | Giàng (**)      | 177                         | ↑ | 14                 | ↑ | 180                        | ↑ | 15                 | ↑ |
| La        | Linh Cảm        | 186                         | ↓ | 127                | ↓ | 145                        | ↓ | 105                | ↓ |
| Gianh     | Mai Hóa         | 129                         | ↓ | 26                 | ↓ | 98                         | ↓ | -30                | ↓ |
| Hương     | Kim Long        | 92                          | ↓ | 58                 | ↓ | 100                        | ↑ | 58                 | → |
| Thu Bồn   | Câu Lâu         | 90                          | ↓ | 33                 | ↓ | 83                         | ↓ | 30                 | ↓ |
| Trà Khúc  | Trà Khúc        | 119                         | ↓ | 85                 | ↑ | 100                        | ↓ | 45                 | ↓ |
| Đà Rằng   | Phú Lâm         | 52                          | ↑ | -37                | ↓ | 60                         | ↑ | -45                | ↓ |

Ghi chú: Các trạm (\*\*) lấy giá trị thực đo 36 giờ qua và dự báo 36 giờ tới

| Sông      | Trạm     | Mức nước cao nhất ngày |   |        |       |       |       |       |       |       |       | Mức nước thấp ngày |   |        |       |       |       |     |   |     |   |     |   |     |   |
|-----------|----------|------------------------|---|--------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|--------------------|---|--------|-------|-------|-------|-----|---|-----|---|-----|---|-----|---|
|           |          | Thực đo                |   | Dự báo |       |       |       |       |       |       |       | Thực đo            |   | Dự báo |       |       |       |     |   |     |   |     |   |     |   |
|           |          |                        |   | 11/10  | 12/10 | 13/10 | 14/10 | 15/10 | 16/10 | 11/10 | 12/10 |                    |   | 13/10  | 14/10 | 15/10 | 16/10 |     |   |     |   |     |   |     |   |
| Sông Tiền | Tân Châu | 290                    | ↗ | 285    | ↓     | 280   | ↓     | 275   | ↓     | 270   | ↓     | 265                | ↓ | 235    | ↓     | 235   | ↗     | 230 | ↓ | 225 | ↓ | 220 | ↓ | 210 | ↓ |
| Sông Hậu  | Châu Đốc | 286                    | ↕ | 281    | ↓     | 270   | ↓     | 263   | ↓     | 255   | ↓     | 250                | ↓ | 221    | ↕     | 230   | ↕     | 225 | ↓ | 220 | ↓ | 210 | ↓ | 200 | ↓ |

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 10h30’ ngày 13/10

Tin phát lúc: 10h30’

Người chịu trách nhiệm  
ban hành bản tin



Phùng Tiến Dũng